

**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên chi nhánh**

Tên chi nhánh viết bằng tiếng Việt: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT VIỆT

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2801158465-002

**3. Ngày thành lập:** 18/01/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 149, đường Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0473035789

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất nhôm kính                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2599        |
| 2.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1629        |
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Kinh doanh, lắp đặt nhôm kính                                                                                                                                                                                                                                                                | 4663        |
| 4.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4690        |
| 5.  | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6190        |
| 6.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4100(Chính) |
| 7.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng, khai thác các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, khu đô thị, khu công nghiệp, công trình bưu chính viễn thông; xây dựng khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, tiểu thủ công nghiệp; xây dựng và phát triển khu trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị, khu văn phòng | 4290        |
| 8.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4312        |
| 9.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất công trình xây dựng và lắp đặt hệ thống dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                       | 4330        |
| 10. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Tư vấn quản lý và khai thác các công trình dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                              | 4390        |
| 11. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4652        |
| 12. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4932        |
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4933        |
| 14. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6810        |
| 15. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Khảo sát địa chất thủy văn, khảo sát địa chất công trình                                                                                                                                                                                                                                         | 7110        |

## 6. Vốn điều lệ:

Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội